TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2017
V/v Ly hôn giữa chị L và anh H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Minh Cảnh**

2. Ông **Nguyễn Văn Bàng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mau** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà **Lai Thị Ngọc Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 36/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST - HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Ngô Minh H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2016 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - chị Trần Thị Kim L trình bày:

Chị L (sinh ngày 01/01/1995) và anh H chung sống với nhau vào ngày 06/01/2011 âm lịch được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, hôn nhân tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/8/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và không trở về sống cùng vợ con từ đó hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng hiện đã sống ly thân với nhau khoảng 06 tháng. Đến nay giữa anh H và người phụ nữ kia đã có con chung với nhau và chị L nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có một con chung tên Ngô Thị Thúy H, sinh ngày 24/9/2012. Khi ly hôn chị L xin được quyền nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị L tiếp tục xin ly hôn với anh H, xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung đồng thời xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Ngô Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi ý kiến trình bày.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh cháu Ngô Thị Thúy H (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự (Bản chính).

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định. Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh H; giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung chị L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn với anh H, các đương sự điều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ngô Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị L với anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời trình bày của chị L cũng như kết quả xác minh từ chính quyền địa phương được biết anh H đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bỏ mặc vợ con, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và đã ly thân khoảng 06 tháng nay do đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có một con chung tên Ngô Thị Thúy H, sinh ngày 24/9/2012 chị L xin được quyền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Ngô Thị Thúy H hiện đang sống chung với chị L, cuộc sống sinh hoạt ổn định và phát triển bình thường, chị L lao động có thu nhập có điều kiện nuôi dạy con, do đó trong quá trình thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Ngô Thị Thúy H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004011 ngày 22/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[8] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kim L và anh Ngô Minh H.

2/ Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Thúy H, sinh ngày 24/9/2012 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Trần Thị Kim L.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5/ Về án phí: Chị L có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004011 ngày 22/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ án phí.

6/ Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Trần Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/6/2017). Anh Ngô Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N;*
- *Lưu, HS, VP.*